

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2017
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ánh Ngọc là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Định.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2016/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hồng T; cư trú tại: Số đường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H; cư trú tại: Số, phường, Dusan Geumchoengu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 02 năm 2016 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Ông Phạm Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N vào ngày 21/10/1992, có tình hiểu, tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1999 vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà H đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc; thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc thường xuyên với nhau đến năm 2004 vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về tình cảm. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Ông T và bà H có một con chung là Phạm Hồng H, sinh năm 1993, hiện nay cháu đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống của mình, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và Bà Nguyễn Thị H không có tài sản chung; về nợ vợ chồng ông không nợ chung ai và không ai nợ chung vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo đơn yêu cầu ngày 28 tháng 6 năm 2016 bị đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày: Thống nhất như lời khai của ông T đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đăng tin thông báo Hệ Phát thanh Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam nhưng bà H vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa tiên hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, có tìm hiểu và tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến năm 1999 vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà Nguyễn Thị H xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc. Thời gian đầu, ông bà liên lạc với nhau qua điện thoại, từ năm 2004 đến nay không còn liên lạc và không có trách nhiệm gì với nhau. Như vậy, đời sống chung của ông T và bà H không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T yêu cầu ly hôn với bà H và bà H cũng đồng ý là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 thì ông T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Chi phí thông báo Hệ phát thanh Đối ngoại Quốc gia 1.500.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng 1.500.000 đồng và tự nguyện chịu; như vậy ông T đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Hồng T được ly hôn bà Nguyễn Thị H.
2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1. Ông Phạm Hồng T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 07825 ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, ông T đã nộp xong.

2.2. Ông Phạm Hồng T chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí thông báo Hệ phát thanh Đối ngoại Quốc gia được khấu trừ 1.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo giấy nộp tiền mặt số 0125 ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Hệ phát thanh Đối ngoại Quốc gia, ông T đã nộp xong.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Ông Phạm Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường